

Số : 24/CBTT-2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

- Mã chứng khoán : **GMC**
- Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ : 028 39844822 Fax: 028 39844746
- E-mail: [headoffice@garmex.vn](mailto:headoffice@garmex.vn) website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán. Đồng thời kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng lỗ trên báo cáo tài chính năm 2022 (đính kèm công văn giải trình)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm :**

- Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán
- Công văn giải trình số 26/CV-2023

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN MINH HẰNG**

Số : 26 /CV - 2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế  
trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022  
đã được kiểm toán. Đồng thời kèm theo biện pháp  
và lộ trình khắc phục tình trạng kết quả kinh doanh lỗ  
trên Báo cáo tài chính năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Theo quy định về việc công bố thông tin của các công ty niêm yết, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán. Đồng thời kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng lỗ trên Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

**1. Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2022 chênh lệch từ 5% trở lên trước và sau kiểm toán:**

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022 (VNĐ)		Chênh lệch	
	BCTC Quý 4 năm 2022	BCTC đã kiểm toán năm 2022	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần công ty mẹ	296.818.303.561	296.818.303.561	-	-
LNST của công ty mẹ	(45.387.965.017)	(64.200.197.332)	(18.812.232.315)	41.45%
Doanh thu thuần hợp nhất	292.176.218.727	292.176.218.727		
LNST hợp nhất	(65.824.886.821)	(84.701.877.511)	(18.876.990.690)	28.68%

- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 lỗ thêm 18.812.232.315 đồng, tỷ lệ tăng lỗ 41,45% so với trước kiểm toán là do:
  - + Công ty điều chỉnh tăng 14.254.076.189 đồng giá vốn hàng bán của thành phẩm tương ứng tỷ lệ tăng 4,85% chủ yếu do công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho 13.811.959.237 đồng.
  - + Điều chỉnh tăng chi phí quản lý trích lập bổ sung khoản phải trả cho người lao động 368.811.775 đồng, tỷ lệ tăng 0,52%.
  - + Điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho 4.261.369.909 đồng, tỷ lệ giảm 83,02%

Từ những yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 lỗ hơn so với trước kiểm toán.

- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 lỗ thêm 18.876.990.690 đồng, tỷ lệ tăng lỗ 28.68% so với trước kiểm toán là do:
  - + Công ty điều chỉnh tăng 14.253.654.830 đồng giá vốn hàng bán của thành phẩm tương ứng tỷ lệ tăng 5,07% chủ yếu do công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho 13.811.959.237 đồng.





- + Điều chỉnh tăng chi phí quản lý trích lập bổ sung khoản phải trả cho người lao động: 325.154.672 đồng, tỷ lệ tăng 0,3%.
- + Điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho 4.326.549.643 đồng, tỷ lệ giảm 81,23%.

Từ những yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 lỗ hơn so với trước kiểm toán.

## 2. Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2022 lỗ trong khi lợi nhuận sau thuế năm 2021 lãi

Chỉ tiêu	BCTC kiểm toán năm 2022	BCTC kiểm toán năm 2021
LNST của công ty mẹ	(64.200.197.332)	32.685.612.882
LNST hợp nhất	(84.701.877.511)	43.591.418.304

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 lỗ trong khi năm 2021 lãi nguyên nhân chủ yếu là do: Trong năm 2022 công ty chủ yếu sản xuất các đơn hàng gia công. Đồng thời từ giữa tháng 8/2022 công ty phải tạm ngừng sản xuất ở một số nhà máy để khắc phục chất lượng nên hầu hết hàng sản xuất ra phải lưu kho. Bước sang quý 4/2022, Công ty nhận sản xuất các đơn hàng gia công số lượng nhỏ, giá cạnh tranh, năng suất thấp nên doanh thu quý 4 năm 2022 cũng giảm đáng kể (Doanh thu năm 2022 trên Báo cáo riêng giảm 772.833.678.504 đồng tương ứng tỷ lệ giảm 72,25% so với doanh thu năm 2021. Doanh thu năm 2022 trên Báo cáo hợp nhất giảm 772.596.106.950 đồng tương ứng tỷ lệ giảm 72,56% so với doanh thu năm 2021). Do tổng doanh thu cả năm 2022 giảm với tỷ lệ trên 72% so với năm 2021 nên đã làm cho kết quả kinh doanh năm 2022 của công ty bị lỗ.

## 3. Biện pháp và lộ trình khắc phục kết quả kinh doanh lỗ

Công ty đã và đang cố gắng cân đối lại nhân sự cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục cân đối, sắp xếp lại nhân sự của toàn Công ty. Tập trung kiểm soát chất lượng sản phẩm, đẩy nhanh tiến độ giao hàng, giảm hàng tồn kho. Đồng thời sử dụng và khai thác hợp lý các mặt bằng hiện có nhằm giảm thiểu chi phí và dự kiến có lãi trong năm 2023.

Công ty Cổ Phần Garmex Saigon kính gửi đến quý cơ quan nội dung giải trình như trên.

Trân trọng.

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN MINH HẰNG



# **Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc, quần áo may sẵn các loại và hàng tủ vải công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên tọa lạc tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú tọa lạc tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn tọa lạc tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Lê Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Chín	Thành viên
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên



# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Ông Lê Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2022

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Hằng.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Minh Hằng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Số tham chiếu: 61192495/22987023-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

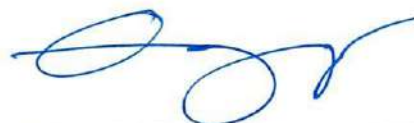
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1



Ngô Trần Quang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>328.335.193.012</b>	<b>618.952.687.574</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>206.058.477.381</b>	<b>334.317.176.801</b>
111	1. Tiền		206.058.477.381	334.317.176.801
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>19.842.392.317</b>	<b>197.205.702.164</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	11.006.525.286	189.970.476.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.495.252.334	11.168.554.956
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.868.162.400	449.708.716
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(4.527.547.703)	(4.383.037.797)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>90.604.780.476</b>	<b>66.617.668.169</b>
141	1. Hàng tồn kho		126.397.657.815	66.861.272.827
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(35.792.877.339)	(243.604.658)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.829.542.838</b>	<b>20.812.140.440</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.021.409.447	1.583.375.012
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	9.291.806.616	15.845.535.012
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.516.326.775	3.383.230.416
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>207.057.015.381</b>	<b>208.429.427.271</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>139.991.902.139</b>	<b>150.867.505.815</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	139.061.061.508	149.617.511.331
222	Nguyên giá		410.025.698.129	399.303.285.722
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(270.964.636.621)	(249.685.774.391)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	930.840.631	1.249.994.484
228	Nguyên giá		6.889.371.205	7.883.108.725
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.958.530.574)	(6.633.114.241)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>32.507.811.555</b>	<b>19.635.362.177</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	32.507.811.555	19.635.362.177
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>15.252.770.891</b>	<b>14.505.047.291</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	2.069.412.291	2.069.412.291
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	15.395.180.000	15.395.180.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.2	(2.211.821.400)	(2.959.545.000)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.304.530.796</b>	<b>23.421.511.988</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	19.304.530.796	23.421.511.988
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>535.392.208.393</b>	<b>827.382.114.845</b>

B02-  
3 TY  
M HUU  
YOU  
NAM  
HO C



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>87.346.313.734</b>	<b>124.745.488.578</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>73.140.671.877</b>	<b>107.623.644.738</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.173.743.334	17.867.114.569
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	93.407.420	5.006.176.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	703.440.418	10.814.492.631
314	4. Phải trả người lao động		15.566.420.148	63.313.555.946
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.498.986.467	6.257.093.665
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.661.089.890	3.574.460.426
320	7. Vay ngắn hạn	19	28.889.717.151	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	18.988.791.375	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	565.075.674	790.751.476
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>14.205.641.857</b>	<b>17.121.843.840</b>
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	7.598.571.624	8.598.282.087
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	6.607.070.233	8.523.561.753
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>448.045.894.659</b>	<b>702.636.626.267</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>448.045.894.659</b>	<b>702.636.626.267</b>
411	1. Vốn cổ phần		330.002.590.000	330.002.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		330.002.590.000	330.002.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		72.687.827.370	72.687.827.370
415	3. Cổ phiếu quỹ		(863.138.686)	(863.138.686)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(2.179.986.185)	(469.468.616)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		67.859.802.989	67.859.802.989
421	6. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(19.461.200.829)	233.123.221.311
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		65.240.676.682	189.531.803.007
421b	- (Lỗ năm nay) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(84.701.877.511)	43.591.418.304
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	295.791.899
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>535.392.208.393</b>	<b>827.382.114.845</b>

Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hằng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	292.176.218.727	1.064.772.325.677
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	295.515.151.674	897.680.445.705
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.338.932.947)	167.091.879.972
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	41.053.387.644	17.197.875.339
22	5. Chi phí tài chính	25	23.063.401.545	21.570.665.250
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	3.398.903.219
25	6. Chi phí bán hàng	26	357.991.160	7.958.288.741
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	108.482.178.677	103.970.588.212
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(94.189.116.685)	50.790.213.108
31	9. Thu nhập khác	27	9.241.884.793	4.641.088.639
32	10. Chi phí khác		532.451.483	276.156.091
40	11. Lợi nhuận khác		8.709.433.310	4.364.932.548
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(85.479.683.375)	55.155.145.656
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	221.904.599	10.320.040.779
52	14. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(999.710.463)	1.243.686.573
60	15. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(84.701.877.511)	43.591.418.304
61	16. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(84.701.877.511)	43.591.418.304
62	17. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	-	-
70	18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.5	(2.571)	1.228
71	19. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5	(2.571)	1.228



Trần Thị Thu Trâm  
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hằng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

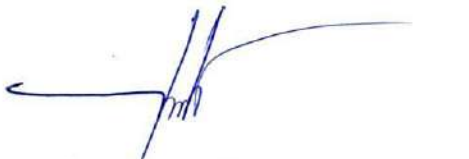
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(85.479.683.375)</b>	<b>55.155.145.656</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	23.983.328.133	27.275.655.344
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		52.018.358.842	(3.739.543.567)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.046.012.048)	2.785.659.779
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(46.595.736)	(627.673.113)
06	Chi phí lãi vay	25	-	3.398.903.219
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(16.570.604.184)</b>	<b>84.248.147.318</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		187.363.534.541	(32.678.759.146)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(59.536.384.988)	179.192.193.676
11	Giảm các khoản phải trả		(74.536.422.612)	(72.287.678.214)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		4.678.946.757	(465.018.784)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(3.476.185.487)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.732.131.024)	(6.688.179.524)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.353.225.431)	(606.563.051)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>29.313.713.059</b>	<b>147.237.956.788</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(27.279.265.330)	(31.052.044.710)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		76.739.802	499.356.214
26	Tiền chi từ giải thể công ty con		(293.220.849)	-
27	Tiền lãi và cổ tức được chia		364.423.248	128.316.899
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(27.131.323.129)</b>	<b>(30.424.371.597)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	28.889.717.151	351.081.721.634
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	-	(715.499.640.540)
36	Cổ tức đã trả	22.3	(164.737.530.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(135.847.812.849)</b>	<b>(364.417.918.906)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(133.665.422.919)</b>	<b>(247.604.333.715)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>334.317.176.801</b>	<b>583.690.750.066</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.406.723.499	(1.769.239.550)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>206.058.477.381</b>	<b>334.317.176.801</b>

  
Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Minh Hằng  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc, quần áo may sẵn các loại và hàng tủ vải công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên tọa lạc tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú tọa lạc tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn tọa lạc tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.982 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.810) và tại ngày báo cáo hợp nhất này là 185.

**Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm hai (2) công ty con trực tiếp và một (1) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
			(%)	(%)
(1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	May mặc, may tủ vải	100	100
(2) Công ty TNHH May Tân Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	May mặc, may tủ vải	100	100
(3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long (*)	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	May mặc	0	51
(4) Blue Saigon LLC (**)	Hoa Kỳ	Kinh doanh hàng may mặc	100	100

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT/2020 ngày 20 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc giải thể công ty con – Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc giải thể công ty con này và thu được 207.021.925 VND. Theo đó, lỗ từ giao dịch này là 31.455.358 VND được ghi nhận như một khoản chi phí tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(\*\*) Blue Saigon LLC đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động từ ngày 31 tháng 12 năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Giả định về hoạt động liên tục của Công ty**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề, do đó, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 84.701.877.511 VND, cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Nhóm Công ty là 19.461.200.829 VND.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo mà theo đó, Nhóm Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Các chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 43 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương theo Luật Lao động và các hướng dẫn có liên quan. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm ngoại trừ phần thanh toán cho người lao động.

Khoản trợ cấp mất việc làm trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 47 của Bộ luật Lao động.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài*

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam ngoại trừ Blue Saigon LLC đang hoạt động ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề may mặc và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	275.083.176	128.694.745
Tiền gửi ngân hàng	205.783.394.205	334.188.482.056
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>206.058.477.381</b>	<b>334.317.176.801</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	11.006.525.286	71.266.190.471
- Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh	3.444.650.280	-
- Topo Designs	3.086.954.969	3.534.726.599
- Công ty TNHH May mặc Cây Dừa	2.715.064.920	-
- Promiles S.N.C	-	57.559.366.600
- Các khách hàng khác	1.759.855.117	10.172.097.272
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	118.704.285.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.006.525.286</b>	<b>189.970.476.289</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.527.547.703)	(4.383.037.797)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>6.478.977.583</b>	<b>185.587.438.492</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.383.037.797	848.311.198
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	144.509.906	4.378.406.829
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(843.680.230)
Số cuối năm	4.527.547.703	4.383.037.797

Chi tiết nợ xấu được trình bày như sau:

	VND					
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Topo Designs	3.654.944.776	(3.654.944.776)	-	3.534.726.599	(3.534.726.599)	-
Khác	872.602.927	(872.602.927)	-	848.311.198	(848.311.198)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.527.547.703</b>	<b>(4.527.547.703)</b>	<b>-</b>	<b>4.383.037.797</b>	<b>(4.383.037.797)</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Nhân Hòa	6.727.634.129	226.187.720
Trung tâm Thiết bị Phòng cháy Chữa cháy 4/10	1.768.852.080	1.721.003.340
Công ty TNHH Thương mại Hưng Thảo	1.502.007.800	-
Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt	741.727.000	741.727.000
Công ty TNHH Xây dựng Huy Thước	-	5.888.953.476
Các nhà cung cấp khác	755.031.325	2.590.683.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.495.252.334</u></b>	<b><u>11.168.554.956</u></b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	1.868.162.400	155.767.386
Khác	-	293.941.330
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.868.162.400</u></b>	<b><u>449.708.716</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm (*)	102.800.502.753	(14.848.427.294)	30.146.805.882	(52.321.116)
Nguyên liệu, vật liệu	21.784.648.467	(20.944.450.045)	35.165.488.720	(191.283.542)
Công cụ, dụng cụ	1.094.712.635	-	1.426.530.766	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	717.793.960	-	115.247.459	-
Hàng hóa	-	-	7.200.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>126.397.657.815</u></b>	<b><u>(35.792.877.339)</u></b>	<b><u>66.861.272.827</u></b>	<b><u>(243.604.658)</u></b>

(\*) Bao gồm trong số dư thành phẩm là chi phí gia công mà Nhóm Công ty đã thực hiện gia công cho đối tác. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, Nhóm Công ty đã phát hiện các lỗi vi phạm tiêu chuẩn chất lượng do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ tiến hành thực hiện việc tái kiểm tra lại sản phẩm để khắc phục các sản phẩm bị lỗi do điều kiện lưu kho nhằm đảm bảo chất lượng gia công như đã cam kết trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	243.604.658	7.008.555.735
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	35.553.228.528	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(3.955.847)</u>	<u>(6.764.951.077)</u>
Số cuối năm	<u>35.792.877.339</u>	<u>243.604.658</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.021.409.447</b>	<b>1.583.375.012</b>
Công cụ, dụng cụ	311.547.076	619.750.176
Khác	709.862.371	963.624.836
<b>Dài hạn</b>	<b>19.304.530.796</b>	<b>23.421.511.988</b>
Tiền thuê đất trả trước	13.243.819.950	13.616.780.153
Công cụ, dụng cụ	3.831.530.541	6.258.226.234
Máy móc thiết bị	1.995.469.739	3.501.931.327
Khác	<u>233.710.566</u>	<u>44.574.274</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.325.940.243</u></b>	<b><u>25.004.887.000</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	191.749.736.076	173.488.513.127	16.266.999.045	17.798.037.474	399.303.285.722
Mua mới	2.823.634.564	3.805.542.287	926.000.000	2.677.107.400	10.232.284.251
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.304.566.140	-	-	-	3.304.566.140
Thanh lý	(462.642.506)	(117.465.000)	-	(1.746.252.912)	(2.326.360.418)
Xóa sổ	(120.790.273)	-	-	(288.521.553)	(409.311.826)
Giảm do giải thể công ty con	(85.000.000)	-	-	-	(85.000.000)
Khác	-	-	-	6.234.260	6.234.260
Số cuối năm	<u>197.209.504.001</u>	<u>177.176.590.414</u>	<u>17.192.999.045</u>	<u>18.446.604.669</u>	<u>410.025.698.129</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>41.152.167.314</i>	<i>113.606.965.103</i>	<i>10.225.036.317</i>	<i>11.008.603.268</i>	<i>175.992.772.002</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	84.367.088.750	137.992.599.907	12.664.089.056	14.661.996.678	249.685.774.391
Khấu hao trong năm	7.312.504.880	13.031.002.677	1.318.523.604	2.002.143.119	23.664.174.280
Thanh lý	(234.514.354)	(117.465.000)	-	(1.906.681.574)	(2.258.660.928)
Xóa sổ	(81.387.148)	-	-	-	(81.387.148)
Giảm do giải thể công ty con	(51.096.319)	-	-	-	(51.096.319)
Khác	-	-	-	5.832.345	5.832.345
Số cuối năm	<u>91.312.595.809</u>	<u>150.906.137.584</u>	<u>13.982.612.660</u>	<u>14.763.290.568</u>	<u>270.964.636.621</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<u>107.382.647.326</u>	<u>35.495.913.220</u>	<u>3.602.909.989</u>	<u>3.136.040.796</u>	<u>149.617.511.331</u>
Số cuối năm	<u>105.896.908.192</u>	<u>26.270.452.830</u>	<u>3.210.386.385</u>	<u>3.683.314.101</u>	<u>139.061.061.508</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	7.883.108.725
Xóa sổ	(1.015.684.020)
Khác	21.946.500
Số cuối năm	<u>6.889.371.205</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	5.422.667.865
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	6.633.114.241
Hao mòn trong năm	319.153.853
Xóa sổ	(1.015.684.020)
Khác	21.946.500
Số cuối năm	<u>5.958.530.574</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>1.249.994.484</u>
Số cuối năm	<u>930.840.631</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng 213 Hồng Bàng	20.623.229.555	5.266.928.477
Tiền đất 213 Hồng Bàng (*)	10.020.000.000	10.020.000.000
Tiền đất Dự án nhà ở công nhân tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch (**)	1.830.600.000	1.843.383.000
Khác	33.982.000	2.505.050.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>32.507.811.555</u>	<u>19.635.362.177</u>

(\*) Đây là số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình chờ hướng dẫn, chỉ đạo tiếp theo từ các cơ quan ban ngành có liên quan.

(\*\*) Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ để thuê lại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trắng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	2.069.412.291	-	2.069.412.291	-
Đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	15.395.180.000	(2.211.821.400)	15.395.180.000	(2.959.545.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.464.592.291</b>	<b>(2.211.821.400)</b>	<b>17.464.592.291</b>	<b>(2.959.545.000)</b>

**13.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
		%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Quản lý cụm công nghiệp	32,67	2.069.412.291	32,67	2.069.412.291

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	VND
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	4.341.000.000
<b>Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	(2.271.587.709)
Phần lỗ từ công ty liên kết	-
Số cuối năm	(2.271.587.709)
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	2.069.412.291
Số cuối năm	2.069.412.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	-	843.950	10.127.400.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	207.701	3.998.050.000	(2.211.821.400)	207.701	3.998.050.000	(2.959.545.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	32.239	1.269.730.000	-	25.266	1.269.730.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>15.395.180.000</u></b>	<b><u>(2.211.821.400)</u></b>		<b><u>15.395.180.000</u></b>	<b><u>(2.959.545.000)</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	5.107.581.859	17.714.924.367
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Long Hoàng	261.360.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Thực phẩm Thanh Hà	122.730.288	-
- N.I.Teijin Shoji	-	4.819.263.256
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Cường An	-	2.110.639.548
- Khác	4.723.491.571	10.785.021.563
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	66.161.475	152.190.202
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.173.743.334</b>	<b>17.867.114.569</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Game Guard	-	3.305.294.346
New Wave Group SA	-	778.754.215
Khác	93.407.420	922.127.464
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.407.420</b>	<b>5.006.176.025</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	15.845.535.012	14.848.014.702	(21.401.743.098)	9.291.806.616
Thuế thu nhập cá nhân	2.685.708.717	1.988.867.629	(4.304.226.061)	370.350.285
Thuế nhập khẩu	690.391.605	299.817.642	(291.432.549)	698.776.698
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.130.094	543.149.916	(103.080.218)	447.199.792
Tiền thuê đất	-	3.651.306.588	(3.651.306.588)	-
	<b>19.228.765.428</b>	<b>21.331.156.477</b>	<b>(29.751.788.514)</b>	<b>10.808.133.391</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.070.156.727	118.824.381	(8.188.981.108)	-
Thuế giá trị gia tăng	2.744.036.051	9.049.328.060	(11.761.123.543)	32.240.568
Thuế thu nhập cá nhân	-	744.620.958	(73.421.108)	671.199.850
Thuế khác	299.853	42.914.598	(43.214.451)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.814.492.631</b>	<b>9.955.687.997</b>	<b>(20.066.740.210)</b>	<b>703.440.418</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép năm	918.382.497	5.393.419.792
Khác	<u>580.603.970</u>	<u>863.673.873</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.498.986.467</u></b>	<b><u>6.257.093.665</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	923.161.345	2.425.667.596
Khác	<u>737.928.545</u>	<u>1.148.792.830</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.661.089.890</u></b>	<b><u>3.574.460.426</u></b>

**19. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng ngắn hạn	-	<u>28.889.717.151</u>	-	<u>28.889.717.151</u>

Công ty có khoản vay ngân hàng ngắn hạn theo lãi suất thị trường nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Chính sách Xã hội	<u>28.889.717.151</u>	0%	Ngày 11 tháng 1 năm 2023	Tín chấp

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	790.751.476	1.397.314.527
Sử dụng quỹ	<u>(225.675.802)</u>	<u>(606.563.051)</u>
Số cuối năm	<b><u>565.075.674</u></b>	<b><u>790.751.476</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.988.791.375</b>	-
Trợ cấp mất việc làm ( <i>Thuyết minh số 3.13</i> )	18.988.791.375	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.607.070.233</b>	<b>8.523.561.753</b>
Trợ cấp thôi việc ( <i>Thuyết minh số 3.12</i> )	5.359.901.916	7.628.060.667
Tiền lương phép năm	1.247.168.317	895.501.086
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.595.861.608</u></b>	<b><u>8.523.561.753</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND							
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗi lũy kế)	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>								
Số đầu năm	300.052.800.000	72.687.827.370	(863.138.686)	67.859.802.989	(1.086.442.604)	219.481.593.007	295.791.899	658.428.233.975
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	43.591.418.304	-	43.591.418.304
Cổ tức bằng cổ phiếu	29.949.790.000	-	-	-	-	(29.949.790.000)	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	616.973.988	-	-	616.973.988
Số cuối năm	<u>330.002.590.000</u>	<u>72.687.827.370</u>	<u>(863.138.686)</u>	<u>67.859.802.989</u>	<u>(469.468.616)</u>	<u>233.123.221.311</u>	<u>295.791.899</u>	<u>702.636.626.267</u>
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	330.002.590.000	72.687.827.370	(863.138.686)	67.859.802.989	(469.468.616)	233.123.221.311	295.791.899	702.636.626.267
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	-	(164.754.995.000)	-	(164.754.995.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.127.549.629)	-	(3.127.549.629)
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	-	-	(84.701.877.511)	-	(84.701.877.511)
Giải thể công ty con (Thuyết minh số 1)	-	-	-	-	-	-	(295.791.899)	(295.791.899)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(1.710.517.569)	-	-	(1.710.517.569)
Số cuối năm	<u>330.002.590.000</u>	<u>72.687.827.370</u>	<u>(863.138.686)</u>	<u>67.859.802.989</u>	<u>(2.179.986.185)</u>	<u>(19.461.200.829)</u>	<u>-</u>	<u>448.045.894.659</u>

(\*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 18 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt cho việc trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tại mức 50% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với số tiền là 164.754.995.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm và cuối năm	<u>330.002.590.000</u>	<u>330.002.590.000</u>

**22.3 Cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Cổ tức công bố trong năm</b>	<b>164.754.995.000</b>	<b>29.949.790.000</b>
<i>Cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	29.949.790.000
<i>Cổ tức bằng tiền</i>	164.754.995.000	-
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>164.737.530.000</b>	<b>29.949.790.000</b>
<i>Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu</i>	-	29.949.790.000
<i>Cổ tức đã trả bằng tiền</i>	164.737.530.000	-

**22.4 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	33.000.259	33.000.259
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.000.259	33.000.259
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(49.260)	(49.260)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.950.999	32.950.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.5 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(84.701.877.511)	43.591.418.304
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.127.549.629)
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (*)	(84.701.877.511)	40.463.868.675
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.950.999	32.950.999
<b>(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.571)	1.228
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.571)	1.228

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 18 tháng 6 năm 2022

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu nội địa	242.858.915.960	358.632.457.512
Doanh thu xuất khẩu	49.317.302.767	706.139.868.165
	<b>292.176.218.727</b>	<b>1.064.772.325.677</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	224.109.489.320	346.521.477.764
Doanh thu thuần đối với bên khác	68.066.729.407	718.250.847.913



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU (tiếp theo)**

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.688.964.396	17.062.811.607
Lãi tiền gửi	334.104.048	128.316.899
Khác	30.319.200	6.746.833
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.053.387.644</u></b>	<b><u>17.197.875.339</u></b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	259.961.923.146	897.689.387.084
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	35.553.228.528	(8.941.379)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>295.515.151.674</u></b>	<b><u>897.680.445.705</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.779.669.787	18.171.762.031
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(747.723.600)	-
Lỗ từ giải thể công ty con (Thuyết minh số 1)	31.455.358	-
Chi phí lãi vay	-	3.398.903.219
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.063.401.545</u></b>	<b><u>21.570.665.250</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>357.991.160</b>	<b>7.958.288.741</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.991.160	7.957.288.741
Khác	-	1.000.000
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>108.482.178.677</b>	<b>103.970.588.212</b>
Chi phí nhân viên	66.790.353.548	73.377.422.026
Chi phí trợ cấp mất việc	20.163.892.912	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.460.391.552	13.377.185.936
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.685.231.477	6.494.976.556
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.754.100.541	2.035.837.768
Khác	5.628.208.647	8.685.165.926
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>108.840.169.837</u></b>	<b><u>111.928.876.953</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Khoản hỗ trợ từ khách hàng	8.399.975.745	-
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng	309.327.404	2.862.163.226
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	499.356.214
Khác	532.581.644	1.279.569.199
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.241.884.793</u></b>	<b><u>4.641.088.639</u></b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	322.124.730.443	462.783.707.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.802.047.547	61.494.164.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	35.553.228.528	-
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	23.983.328.133	27.275.655.344
Chi phí nguyên vật liệu	21.403.454.078	366.854.419.238
Trợ cấp mất việc	20.163.892.912	-
Công cụ dụng cụ	9.048.078.756	9.665.968.205
Chi phí dự phòng	120.218.177	3.534.726.599
Khác	11.050.992.888	11.812.272.983
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>474.249.971.462</u></b>	<b><u>943.420.914.649</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- ▶ Thuế suất thuế TNDN của Công ty và Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ") là 20% thu nhập chịu thuế.
- ▶ Công ty TNHH Garmex Quảng Nam ("Garmex Quảng Nam"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế. Garmex Quảng Nam được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2017) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng tại Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- ▶ Blue Saigon LLC, công ty con của Garmex Quảng Nam, được thành lập tại Hoa Kỳ và có nghĩa vụ nộp thuế TNDN liên bang với thuế suất là 21% thu nhập chịu thuế và thuế TNDN tiểu bang tại mức thấp hơn giữa 8,84% thu nhập chịu thuế và 800 Đô la Mỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.601.600	9.154.515.560
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	<u>203.302.999</u>	<u>1.165.525.219</u>
	221.904.599	10.320.040.779
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(999.710.463)</u>	<u>1.243.686.573</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(777.805.864)</u></b>	<b><u>11.563.727.352</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>(85.479.683.375)</u></b>	<b><u>55.155.145.656</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	(17.009.477.601)	11.027.789.919
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.952.950.464)	343.117.616
Chi phí không được khấu trừ thuế	348.819.484	494.266.080
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	203.302.999	1.165.525.219
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	184.376.664	1.774.704.237
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.216.303	-
Thu nhập từ cổ tức	(6.063.840)	-
Thay đổi dự phòng đầu tư	(292.304.543)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(2.067.923.555)
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	7.150.178.102	(690.050.300)
Thuế TNDN được giảm trong năm	-	(548.927.774)
Tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ chuyển sang năm sau	<u>10.594.097.032</u>	<u>65.225.910</u>
<b>(Thu nhập) chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>(777.805.864)</u></b>	<b><u>11.563.727.352</u></b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ) thu nhập chịu thuế trong năm hiện tại. (Lỗ) thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì (lỗ) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải trả	5.118.560.360	1.680.666.284	3.437.894.076	(123.417.616)
Dự phòng đầu tư tài chính	(3.454.317.542)	(1.830.948.134)	(1.623.369.408)	1.915.673.951
Dự phòng nợ phải thu công ty con	(9.262.814.442)	(8.448.000.237)	(814.814.205)	(3.035.942.908)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>(7.598.571.624)</b>	<b>(8.598.282.087)</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>999.710.463</b>	<b>(1.243.686.573)</b>

**29.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 68.823.238.057 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.513.465.505 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
2019	2024	14.848.085.827	(10.339.617.772)	-	4.508.468.055
2020	2025	11.004.997.450	-	-	11.004.997.450
2022	2027	53.309.772.552	-	-	53.309.772.552
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>79.162.855.829</b>	<b>(10.339.617.772)</b>	<b>-</b>	<b>68.823.238.057</b>

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các lỗ trên do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long	Công ty con (đến ngày 23 tháng 3 năm 2022)
Blue Saigon LLC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SXKD	Đồng nhân sự chủ chốt
Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Bà Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 10 năm 2022)
Bà Phan Thị Phương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Chín	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu gia công (Thuyết minh số 23.1)	224.109.489.320	346.521.477.764
		Chi phí nguyên phụ liệu, vận chuyển hàng hóa	3.465.000	322.843.065
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Phí vận chuyển	28.201.186	1.984.653.135
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	917.270.910	937.763.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5)</b>					
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu gia công	-	118.704.285.818	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>					
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	66.161.475	89.750.809	
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Phí vận chuyển	-	37.928.825	
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí phạt	-	24.510.568	
			<b>66.161.475</b>	<b>152.190.202</b>	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát ("BKS") và người quản lý khác trong năm như sau:

				VND	
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước		
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	319.810.621	-		
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	479.715.931	-		
Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	479.715.931	-		
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	319.810.621	-		
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	50.580.645	-		
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	269.229.976	-		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	269.229.976	716.200.449		
Bà Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	1.127.741.746	818.790.290		
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	590.913.329	804.910.058		
Bà Phan Thị Phương	Trưởng BKS	382.282.320	193.437.653		
Bà Lê Thị Chín	Thành viên BKS	191.886.373	-		
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên BKS	191.886.373	-		
Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	478.884.790	475.571.478		
Bà Huỳnh Thị Kim Loan	Phụ trách Quản trị Công ty	388.197.409	404.914.028		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.539.886.041</b>	<b>3.413.823.956</b>		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>8.747.436,88</u>	<u>14.025.515,89</u>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Minh Hằng  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023